

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày 25 tháng 09 năm 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tú Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong
2. Bà Ngô Hồng Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 07 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Bá Q, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện H, tỉnh B

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1976 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện H, tỉnh B

Người có quyền lợi và N vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Thu U, sinh năm 1968 (Có mặt)

2/ Bà Lê Bé N, sinh năm 1985 (Vắng mặt – Có đơn xin vắng)

3/ Ông Lê Trần V, sinh năm 1983 (Vắng mặt không có lý do)

4/ Bà Trần Kiều D, sinh năm 1986 (Vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Bá Q trình bày: Vào ngày 01/02/2020 (âm lịch) ông Lê Trần V ngụ cùng ấp với ông Q có đến nhà ông Q để hỏi mua lúa vụ Đông Xuân 2019 - 2020 và thỏa thuận giá mua bán lúa là 5.000 đồng/kg (kg). Sau khi thống nhất giá cả thì ông Lê Trần V đặc cọc trước cho ông Q số tiền là 6.000.000 đồng vì đến ngày 15/02/2020 (âm lịch) ông Q mới cắt lúa. Đến ngày

15/02/2020 (âm lịch) ông Q gọi điện cho ông V lên cắt lúa nhưng do ông V bận công việc nên đến ngày 19/02/2020 (âm lịch) ông V mới đến cắt lúa lần 1 tại phần đất thuộc ấp N, xã A. Sau khi cắt lúa xong lần 1 tại phần đất thuộc ấp N, xã A thì ông V cân lúa và đã thanh toán tiền đầy đủ cho ông Q (*kể cả tiền đặc cọc 6.000.000 đồng mà ông V đặc cọc mua lúa trước đó hai bên cũng đã cân trừ xong khi mua lúa*).

Đến ngày 20/02/2020 (âm lịch) ông Q tiếp tục cắt lúa lần 2 tại phần đất thuộc ấp N1, xã A thì ông Q có gọi điện thoại kêu ông V lên cân lúa, ông V có nói với ông Q là cứ cắt lúa đi rồi sẽ có người lên cân lúa. Qua ngày hôm sau là ngày 21/02/2020 (âm lịch) thì có ghe lúa đến cân lúa của Q. Ông Q có hỏi chủ ghe lúa là ghe của ai thì chủ ghe lúa có nói là ghe do ông Nguyễn Trung N kêu đến cân lúa của ông Q. Đồng thời ông Nguyễn Trung N cũng có gọi điện thoại thông báo với ông Q là ông N thỏa thuận với ông V, ông N sẽ mua lại số lúa do ông Q cắt lần 2 tại phần đất thuộc ấp N1, xã A vào ngày 20/02/2020 (âm lịch). Lúc này do giá lúa tăng nên người mua lúc này là ông Huỳnh Trung N cũng đồng ý mua lúa của Q với giá là 5.100 đồng/kg. Tổng số lúa mà ông Q cắt được lần 2 tại phần đất thuộc ấp N1, xã A vào ngày 20/02/2020 (âm lịch) là 13.331 kg. Tổng số tiền lúa mà ông Q bán lần 2 vào ngày 21/02/2020 (âm lịch) cho ông N là: $13.331 \text{ kg} \times 5.100 \text{ đồng/kg} = 67.988.100 \text{ đồng}$, ông Q bán lúa tại ruộng. Khi bán lúa xong, vợ ông Q là bà Lê Thị Thu U ngồi cùng ghe lúa do ông N đưa đến về đến nhà ông Q thuộc ấp N, xã A và vợ ông Q yêu cầu chủ ghe cân lúa trả tiền cho vợ chồng ông Q. Nhưng chủ ghe lúa nói tiền này do người “cò lúa” trả, người “cò lúa” này là ông Nguyễn Trung N. Lúc này vợ ông Q là bà U không cho ghe lúa đi đồng thời vợ ông Q gọi điện thoại cho ông Nguyễn Trung N thì lúc này ông N có nói với bà U là cứ cho ghe lúa đi, chiều ông N sẽ lại nhà ông Q thanh toán tiền lúa cho vợ chồng ông Q. Nghe ông N nói vậy thì vợ chồng ông Q đồng ý cho ghe lúa chở lúa đi. Vợ chồng ông Q đợi đến chiều nhưng không thấy ông N đến trả tiền lúa nên ông Q tiếp tục gọi điện thoại cho ông N thì lúc này ông N có nói gắng đợi 03 ngày sau ông N sẽ mang tiền lên trả cho vợ chồng ông Q. Vì tình nghĩa làng xóm nên ông Q gắng đợi thêm 03 ngày sau nhưng cũng không thấy ông N mang tiền lúa đến trả. Đến khoảng 01 tháng sau (kể từ ngày cân lúa) ông Q tiếp tục gọi điện thoại cho ông N thêm một lần nữa thì ông N trả lời rằng số tiền lúa đó ông N đã thanh toán cho vợ của ông Lê Trần V là bà Trần Thị D và kêu vợ chồng ông Q xuống nhà ông V, bà D lấy tiền. Nghe vậy vợ chồng ông Q đến nhà của vợ chồng ông V, bà D để lấy tiền thì vợ chồng ông V, bà D nói rằng lúa của vợ chồng ông Q do ông N cân thì ông N có trách nhiệm trả tiền chứ không có liên quan gì đến vợ chồng ông V, bà D. Quá bức xúc nên ông Q tiếp tục gọi điện cho ông N thêm một lần nữa thì ông N khẳng định đã thanh toán tiền lúa của vợ chồng ông Q cho vợ chồng ông V, bà D rồi, ông N kêu vợ chồng ông Q đến gặp ông V, bà D mà lấy. Do đó nay ông Q làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung N là người mua lúa của vợ chồng ông Q phải thanh toán số tiền lúa cho vợ chồng ông Q là 67.988.100 đồng. Ngoài ra ông Q không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết

vụ án bị đơn ông Nguyễn Trung N trình bày: Ông N thừa nhận vào ngày 21/02/2020 ông N có mua lúa cho công ty mà ông N ký hợp đồng thông qua trung gian là ông Lê Trần V ngụ ấp N, xã A, huyện H, tỉnh B. Ghe lúa của ông N có cân số lúa là 13.331kg với giá là 5.150 đồng/kg của ông Huỳnh Bá Q tại phần đất gia đình của ông Q thuộc ấp N1, xã A, huyện H. Tổng số tiền lúa mà ông N cân của ông Q vào ngày 21/02/2020 là: $13.331\text{kg} \times 5.150 \text{ đồng/kg} = 67.988.100 \text{ đồng}$. Sau khi ghe lúa của ông N cân lúa xong thì ông N có gọi điện thoại cho ông Lê Trần V hỏi ông V là ông N sẽ thanh toán số tiền này cho ông Q luôn hay như thế nào thì ông V có kêu ông N thanh toán số tiền này cho ông V để ông V đối trừ tiền cắt lúa, tiền lúa giống và tiền cọc với ông Q vì ông V nói rằng ông Q còn nợ ông V các khoản tiền này. 05 ngày sau khi mua lúa của ông Q (tức vào ngày 26/02/2020) ông N mang tiền lại nhà ông V để thanh toán tiền lúa của ông Q vì ông N mua lúa của ông Q thông qua trung gian là ông V. Ông N đã thanh toán số tiền lúa của ông Q là 67.988.100 đồng cho ông Lê Trần V và người trực tiếp nhận số tiền này của ông N là vợ của ông V là bà Trần Kiều D vì lúc ông N đem tiền lại nhà ông V thì ông V không có nhà. Do đó, nay ông Q yêu cầu ông N trả số tiền lúa 67.988.100 đồng cho vợ chồng ông Q thì ông N không đồng ý vì ông N đã thanh toán số tiền lúa của vợ chồng ông Q cho ông V rồi. Ông N cũng xác định việc ông N mua lại lúa của ông Q thông qua trung gian là ông Lê Trần V thì giữa các bên không có làm thành hợp đồng, chỉ trao đổi qua điện thoại. Khi ông N giao số tiền mua lúa 67.988.100 đồng của ông Q cho bà Trần Kiều D thì các bên cũng không có làm giấy tờ. Mặc khác, ông N cũng cho biết khi ông N đi thu mua lúa của ông Q thì cá nhân ông N đứng ra giao dịch. Sau khi thu mua lúa của ông Q xong ông N giao lại cho công ty mà ông N ký hợp đồng và công ty sẽ thanh toán tiền cho ông N để ông N đi trả cho người bán lúa. Việc mua bán lúa giữa ông N với ông V, ông Q là của cá nhân ông N không có liên quan đến công ty mà ông N ký hợp đồng. Vợ ông N là bà Lê Bé N không có tham gia vào việc mua bán lúa giữa ông N với ông V và vợ chồng ông Q. Tiền lãi từ việc mua bán lúa với ông Q ông N sử dụng cho cá nhân và lo cho sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra ông N không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Trần V trình bày: Ông V thừa nhận trước đây vào ngày 01/02/2020 (âm lịch) ông V có đến nhà ông Q để hỏi mua lúa vụ Đông Xuân 2019 – 2020 và thỏa thuận giá mua bán lúa là 5.000 đồng/kg với ông Q. Sau khi thống nhất giá cả mua bán thì ông V có đặc cọc trước cho ông Q số tiền là 6.000.000 đồng và đến ngày 19/02/2020 (âm lịch) thì ông Q cắt lúa lần 1 tại phần đất thuộc ấp N, xã A. Sau khi cắt lúa xong tại đây thì giữa ông Q với ông V đã thanh toán tiền với nhau đầy đủ kể cả tiền đặc cọc 6.000.000 đồng mà ông V đã đưa cho ông Q trước đó. Như vậy việc mua bán lúa giữa ông V với ông Q đã kết thúc kể từ ngày 19/02/2020 (âm lịch).

Đối với việc mua bán lúa giữa ông Q với ông N vào ngày 21/02/2020 (âm lịch) thì ông V không có tham gia vào việc mua bán lúa này. Việc mua bán lúa vào ngày 21/02/2020 (âm lịch) là giữa ông Q với ông N thỏa thuận với nhau vì hai bên trực tiếp giao dịch. Ông V và vợ ông V không có nhận số tiền nào từ ông N để trả

cho vợ chồng ông Q như lời ông N trình bày. Nếu như vợ chồng ông V có nhận tiền của ông N để trả dùm cho vợ chồng ông Q thì ông N phải có giấy tờ chứng minh là vợ chồng ông V nhận tiền của ông N. Ngoài ra ông V không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Kiều D trình bày: Bà là vợ của ông Lê Trần V. Bà D không có tham gia vào việc mua bán lúa giữa ông N với vợ chồng ông Q và bà D cũng không có nhận số tiền 67.988.100 đồng từ ông N gửi trả cho vợ chồng ông Q như ông N trình bày. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu U trình bày: Bà U là vợ của ông Huỳnh Bá Q. Bà U thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với ông Nguyễn Trung N và thống nhất với lời trình bày của ông Q trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra bà U không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Bé N trình bày: Bà N là vợ của ông Nguyễn Trung N. Bà N không có tham gia vào việc mua bán lúa giữa ông N với ông V, ông Q. Thường ngày thì ông N cũng có đưa tiền để lo cho sinh hoạt của gia đình, tuy nhiên bà N không biết tiền lãi từ việc ông N mua bán lúa với ông Q, ông N có sử dụng để lo cho sinh hoạt gia đình hay không. Ngoài ra bà N không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Trung N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trần V, bà Trần Kiều D chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc ông Nguyễn Trung N và bà Lê Bé N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Bá Q, bà Lê Thị Thu U số tiền nợ mua lúa là 67.988.100 đồng. Ngoài ra ông N, bà N còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Huỳnh Bá Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Trung N, bà Lê Bé N phải trả cho vợ chồng ông Q số tiền mua lúa là 67.988.100 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã A, huyện H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Trung N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trần V, bà Trần Kiều D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Bé N có đơn xin vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N, ông V, bà D, bà N căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bá Q yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Trung N, bà Lê Bé N phải trả cho vợ chồng ông Q số tiền mua nợ lúa là 67.988.100 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2020 ông Nguyễn Trung N thừa nhận vào ngày 21/02/2020 ghe lúa của ông N có đến phần đất của gia đình ông Huỳnh Bá Q thuộc ấp N1, xã A, huyện H cân số lúa là 13.331kg với giá 5.150 đồng/kg, thành tiền là 67.988.100 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự vì được các bên đương sự thừa nhận.

Ông N xác định, ông mua số lúa nêu trên của Huỳnh Bá Q thông qua trung gian là ông Lê Trần V. Sau khi cân lúa của ông Q thì ông N đã thanh toán số tiền lúa là 67.988.100 đồng cho ông Lê Trần V để ông V thanh toán lại cho vợ chồng ông Q và người trực tiếp nhận số tiền này là bà Trần Kiều D (vợ của ông V). Hội đồng xét xử xét thấy, qua làm việc với ông Lê Trần V, bà Trần Kiều D thì ông V, bà D đều xác định việc ông N mua bán số lúa nói trên với ông Q là giao dịch giữa ông N với vợ chồng ông Q không có liên quan gì đến vợ chồng ông V, bà D và bà D cũng không có nhận số tiền 67.988.100 đồng từ ông N để trả cho vợ chồng ông Q như lời trình bày của ông N. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có yêu cầu và ấn định thời gian cho ông N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông N mua bán lúa vào ngày 21/02/2020 với vợ chồng ông Q thông qua trung gian là ông Lê Trần V và ông N đã trả số tiền lúa là 67.988.100 đồng cho bà Trần Kiều D (vợ ông V) để thanh toán lại cho vợ chồng ông Q nhưng ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh theo yêu cầu của Tòa án. Bên cạnh đó, vào ngày 03/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, ông N có làm biên bản thỏa thuận cam kết với vợ chồng ông Huỳnh Bá Q rằng đến hết ngày 20/8/2020 ông N sẽ thanh toán số tiền mua nợ lúa cho vợ chồng ông Q là 67.988.100 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông Q với sự chứng kiến của Tòa án, tuy nhiên đến nay ông N vẫn không thanh toán số tiền này cho vợ chồng ông Q. Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Huỳnh Bá Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung N phải thanh toán số tiền mua nợ lúa vào ngày 21/02/2020 là 67.988.100 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với vợ của ông N là bà Lê Bé N mặc dù không có tham gia vào việc mua bán lúa vào ngày 21/02/2020 giữa ông N với vợ chồng ông Q. Tuy nhiên, ông N xác định tiền lãi từ việc mua bán lúa với ông Q, ông N sử dụng cho cá nhân và lo

cho sinh hoạt gia đình. Về phía bà N mặc dù không biết tiền lãi từ việc ông N mua bán lúa với ông Q, ông N có sử dụng để lo cho sinh hoạt gia đình hay không nhưng thường ngày thì ông N vẫn đưa tiền cho bà để lo cho gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch mua bán lúa giữa ông N với vợ chồng ông Q được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông N, mặc dù không xác định được tiền lãi từ việc mua bán lúa giữa ông N với ông Q, ông N có sử dụng để lo cho gia đình hay không nhưng thường ngày thì ông N vẫn có đem tiền về để lo cho gia đình. Do đó cần buộc bà Lê Bé N phải cùng có trách nhiệm với ông Nguyễn Trung N thanh toán số tiền nợ lúa là 67.988.100 đồng cho vợ chồng ông Huỳnh Bá Q.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Bá Q được chấp nhận toàn bộ nên ông Q không phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Trung N và bà Lê Bé N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho vợ chồng ông Huỳnh Bá Q là 3.339.000 đồng. $(67.988.100 \text{ đồng} \times 5\% = 3.399.405 \text{ đồng, lấy tròn là } 3.399.000 \text{ đồng})$

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Bá Q đối với bị đơn ông Nguyễn Trung N.

Buộc ông Nguyễn Trung N, bà Lê Bé N có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Bá Q, bà Lê Thị Thu U tổng số tiền là 67.988.100 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Ông Huỳnh Bá Q không phải chịu án phí, ông Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.700.000 đồng theo biên lai thu số 0003168 ngày 01/07/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại toàn bộ.

- Buộc ông Nguyễn Trung N, bà Lê Bé N phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 3.339.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh